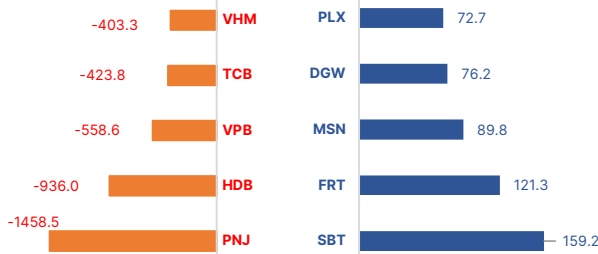


Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
Thống kê thị trường				
Index	1,737.71	↓ -2.66%	266.75	↓ -2.01%
KLGD (trCP)	3,332.81	↑ 6.0%	214.46	↑ 4.1%
GTGD (tỷ VND)	77,195.10	↓ -3.5%	3,384.77	↑ 7.7%

Top Giao dịch ròng NĐTNN HOSE (Tỷ đồng)

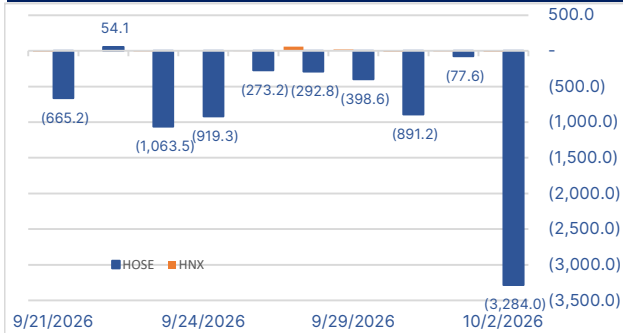


GT Bán: (6,057.32) 1,112.99 : GT Mua

Biến động giá Ngành theo Tuần



Giá trị giao dịch mua/bán ròng của NĐTNN (tỷ VND)



Phân Tích Kỹ Thuật VN-INDEX



DIỄN BIẾN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN

Thị trường có tuần thứ 2 liên tiếp giảm điểm, áp lực bán gia tăng mạnh hơn. Áp lực bán bắt đầu tăng khi VNINDEX không giữ được hỗ trợ mạnh 1.800 điểm. Trong tuần VNINDEX có 05 phiên liên tiếp giảm điểm với áp lực bán tăng mạnh trong phiên cuối tuần. Kết tuần VNINDEX giảm -2,66% về mức 1.737,71 điểm, trên hỗ trợ tâm lý 1.700 điểm. VN30 kết tuần giảm mạnh hơn -3,22% về mức 1.875,99 điểm, dưới kháng cự tâm lý 1.900 điểm.

Độ rộng thị trường trong tuần tiêu cực. Ngoại trừ nhóm bảo hiểm tăng giá tích cực. Cảng biển, thủy sản, dệt may phục hồi. Hầu hết các nhóm ngành khác đều chịu áp lực điều chỉnh. Chịu áp lực bán mạnh nhất ở nhóm chứng khoán, xây dựng, công nghệ, viễn thông, bất động sản, thép, ngân hàng, điện.... Thanh khoản trong tuần giảm, khối lượng giao dịch trên HOSE tăng 4,6% so với tuần trước. Thể hiện áp lực bán gia tăng ở nhóm vốn hóa trung bình, nhỏ. Khối ngoại tiếp tục bán ròng trong tuần này với giá trị -4.944 tỷ đồng trên HOSE.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn 411GA000 kết phiên ở mức 1.885,0 điểm, giảm -0,53%. Chênh lệch dương mở rộng lên 9,01 điểm so với VN30. Các kỳ hạn 411GB000, 411GC000, 411H3000 chênh lệch từ 5,01 điểm đến 12,51 điểm. Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch kỳ hạn 411GA000 tăng 18,9% so với phiên trước. Các trade tăng các vị thế giao dịch, phòng ngừa rủi ro khi VN30 giảm mạnh. Chênh lệch dương mở rộng thể hiện VN30 kỳ vọng phục hồi trở lại. Xu hướng ngắn hạn 411GA000 kém tích cực, kháng cự tâm lý 1.900 điểm, hỗ trợ 1.880 điểm. Khối lượng mở OI kỳ hạn 411GA000 là 38.128, tăng các vị thế nắm giữ.

Xu hướng ngắn hạn VNINDEX tiếp tục suy yếu dưới kháng cự mạnh quanh 1.800 điểm tương ứng vùng giá trung bình 200 phiên. VNINDEX đang chịu áp lực điều chỉnh về quanh 1.730 điểm. Hiện tại vùng hỗ trợ VNINDEX là 1.715 điểm -1.730 điểm, tương ứng vùng giá thấp nhất tháng 8/2026. Hỗ trợ mạnh là vùng giá 1.680 điểm - 1.700 điểm, tương ứng đường xu hướng nối các vùng giá thấp nhất tháng 3, 7/2026.

Sau khi thị trường nâng hạng, trái ngược với tâm lý kỳ vọng của nhà đầu tư. Áp lực bán gia tăng mạnh khi VNINDEX không giữ được hỗ trợ 1.800 điểm. Hiện tại tổng vốn hóa toàn thị trường khoảng 402 +-tỷ USD, 78%+-/GDP 2025. Tương đương khoảng 72%/GDP 2026 (giả định GDP 2026 tăng trưởng 9% so với 2025). Xét triển vọng tăng trưởng, chúng tôi cho rằng mức vốn hóa hợp lý của thị trường sẽ khoảng 75%/GDP 2025, tương ứng VNINDEX 1.660 điểm -1.680 điểm. Dòng tiền hiện tại đang có dấu hiệu cải thiện, gia tăng ở vùng giá thấp. Thị trường vẫn có các doanh nghiệp chất lượng, tăng trưởng tốt có mức P/E, P/B thấp so với lịch sử, mức PE từ 4-8, mức hợp lý để xem xét đầu tư. Nhà đầu tư xem xét các cơ hội đầu tư khi giá giảm về các vùng định giá hấp dẫn.

Nhà đầu tư duy trì tỉ trọng hợp lý. Mục tiêu đầu tư hướng tới các mã có nền tảng cơ bản tốt, đầu ngành trong các ngành chiến lược, tăng trưởng vượt trội của nền kinh tế.

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

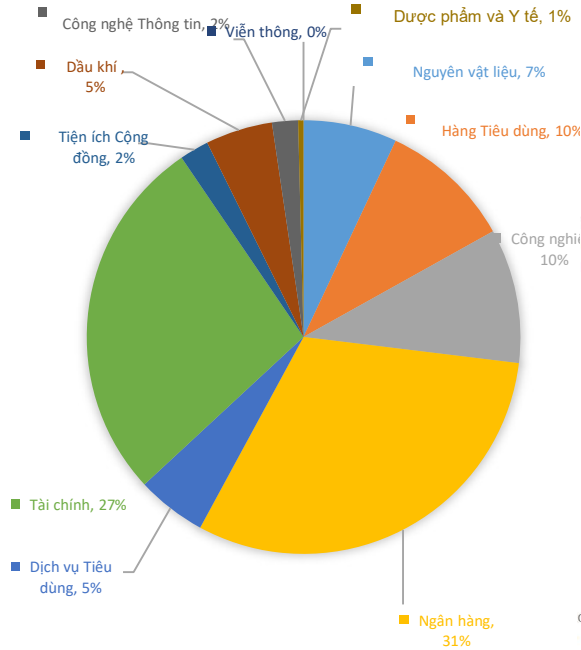
Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng hỗ trợ tăng trưởng (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Giao dịch (GD)	FA Rank	TA Rank
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận			
PVP	22.00	20.5	22.5-23.5	19.5	7.1	29.7%	199.8%	Theo dõi GD	73	95
DRI	16.20	14.8	15.5-16	14.2	5.3	113.6%	191.7%	Theo dõi GD	87	88
BVH	75.80	72.5	76-78	13.8	16.9	0.4%	55.4%	Theo dõi GD	75	73
VOS	11.10	11.4	13-13.5	11.1	3.9	10.3%	301.7%	Theo dõi GD	76	33
FRT	142.90	142.0	146-150	137.0	22.5	37.2%	187.8%	Theo dõi GD	74	61
VPB	22.90	22.6	25.5-26	130.0	6.1	56.8%	72.4%	Theo dõi GD	81	68
DPR	38.15	37.8	44-45	36.0	9.3	39.1%	55.8%	Theo dõi GD	80	37
VTO	11.25	11.0	14-15	10.5	5.0	27.1%	156.1%	Theo dõi GD	74	66

BẢNG ĐỊNH LƯỢNG TƯƠNG QUAN CÁC NHÓM NGÀNH

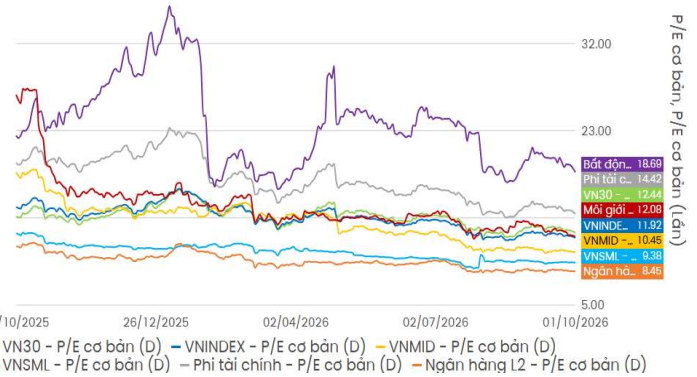
Xu Hướng \ Thông Số	Bất Động Sản	Cảng- Vận tải	Cao Su TN	Chứng Khoán	Công Nghệ- Viễn thông	Dầu Khí	Dệt May- Da Giày	Khu Công Nghiệp
Trung dài hạn	Tang Truong	Điều Chinh	Tích Luy	Suy Giảm	Suy Giảm	Tang Truong	Suy Giảm	Suy Giảm
Ngắn trung hạn	Suy Giảm	Tang Truong	Tang Truong	Tích Luy	Tích Luy	Điều Chinh	Tích Luy	Tích Luy
Dòng tiền trung hạn	Tích Luy	Money_in	Duong_Tang	Am_Giam	Tích Luy	Duong_Tang	Am_Tang	Tích Luy
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)	255.6	-129.6	-251.9	286.2	270.8	-30.6	253.8	-250.3
Tương quan- VNINDEX	Tốt hơn- Mạnh hơn	Yếu hơn- Mạnh hơn	Không đổi- Mạnh hơn	Không đổi- Kém hơn	Không đổi- Kém hơn	Yếu hơn- Mạnh hơn	Không đổi- Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn
Cổ phiếu TOP	VPI	PHP	TRC	TVS	VTP	PVP	TVT	VGC
	VIC	MVN	DRI	HCM	VGI	PVT	TET	GVR
Xu Hướng \ Thông Số	Bảo Hiểm	Bán Lẻ	Thép	Thủy Sản	Xây Dựng- VLXD	Ngân Hàng	Phân Bón- Hóa Chất	Hàng Không
Trung dài hạn	Tang Truong	Suy Giảm	Suy Giảm	Suy Giảm	Suy Giảm	Tích Luy	Suy Giảm	Suy Giảm
Ngắn trung hạn	Tang Truong	Điều Chinh	Suy Giảm	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy
Dòng tiền trung hạn	Duong_Tang	Duong_Giam	Tích Luy	Am_Giam	Am_Tang	Am_Tang	Tích Luy	Duong_Giam
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)	-271.8	235.1	281.7	197.5	287.3	230.6	340.4	221.9
Tương quan- VNINDEX	Tốt hơn- Mạnh hơn	Không đổi- Kém hơn	Không đổi- Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Không đổi- Kém hơn	Yếu hơn- Kém hơn	Yếu hơn- Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn
Cổ phiếu TOP	BVH	PET	TVN	SEA	DHA	VBB	DHB	SAS
	PRE	DGW	SMC	ANV	VLB	NVB	BFC	VJC
Xu Hướng \ Thông Số	Điện	Nông Nghiệp	Dược	VNIndex	VN30	HNXIndex	UPCOM	% Ngành tăng
Trung dài hạn	Suy Giảm	Suy Giảm	Suy Giảm	Tang Truong	Tang Truong	Tích Luy	Tang Truong	30
Ngắn trung hạn	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy	Suy Giảm	Suy Giảm	Suy Giảm	Tích Luy	13
Dòng tiền trung hạn	Am_Tang	Tích Luy	Am_Tang	Am_Tang	Tích Luy	Am_Giam	Am_Tang	9
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)	-100.9	312.4	-251.1	256.1	238.6	287.9	133.9	26
Tương quan- VNINDEX	Yếu hơn- Kém hơn	Yếu hơn- Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	31	Yếu hơn-Mạnh hơn	Yếu hơn- Kém hơn	Yếu hơn- Mạnh hơn	
Cổ phiếu TOP	PGV	SBT	DCL					
	XMP	NAF	DBT					

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TUẦN VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

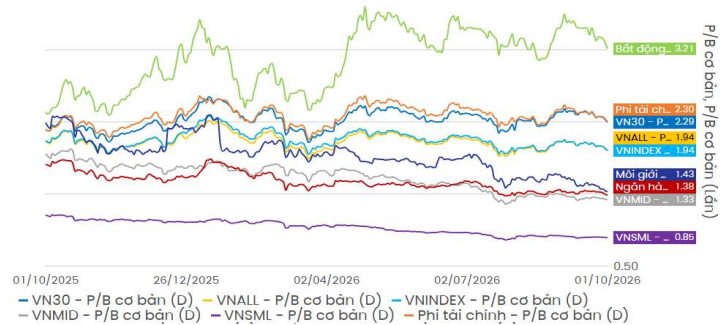
Giá trị giao dịch tuần theo Ngành



Định giá Thị trường: P/E



Định giá Thị trường: P/B



Top Vốn hóa

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	1,738,730	13.9%	2,752	81.4	10.2
VHM	557,787	32.6%	9,730	7.0	2.1
VCB	477,109	17.9%	4,984	11.5	1.9
BID	270,682	17.7%	4,250	8.2	1.4
CTG	231,067	21.8%	5,172	5.8	1.2

Top KLGD lớn nhất

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	218,298,450	9.5%	1,848	5.7	0.6
SHB	195,431,997	17.3%	2,538	4.4	0.7
VIX	157,069,480	16.5%	2,156	5.5	0.9
HPG	127,878,800	17.4%	2,750	7.3	1.2
VPB	125,587,400	16.6%	2,982	7.7	1.3

Top 5 cổ phiếu tăng giá

Mã	+/- %	ROE	EPS	P/E	P/B
VBB	↑ 19.15%	13.1%	1,455	9.6	1.3
NHA	↓ 12.50%	3.3%	355	21.6	0.7
ANV	↓ 11.11%	23.6%	3,248	5.2	1.2
HSL	↓ 10.63%	0.7%	80	125.5	0.9
HAS	↓ 10.62%	-2.9%	-465	(21.1)	0.6

Top 5 cổ phiếu giảm giá

Mã	+/- %	ROE	EPS	P/E	P/B
PNJ	↑ -24.92%	18.4%	4,780	4.8	0.9
KOS	↑ -24.81%	1.2%	127	116.0	1.4
TLH	↓ -15.38%	1.0%	108	26.5	0.3
HID	↓ -13.40%	-2.4%	-241	(17.4)	0.4
LPS	↓ -12.81%	7.0%	838	21.1	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SBT	7,511,791	7.3%	914	24.4	1.7
VIB	4,563,001	15.7%	1,990	6.7	1.0
POW	3,606,378	16.2%	2,049	6.2	0.9
KDH	2,308,716	9.5%	1,567		
PLX	1,978,200	12.5%	2,526	14.2	1.8

Top KLGD NĐT nước ngoài bán ròng

Mã	KL bán	ROE	EPS	P/E	P/B
PNJ	(61,526,657)	18.4%	4,780	4.8	0.9
HDB	(35,919,887)	23.9%	3,895	7.3	1.7
VPB	(24,298,345)	16.6%	2,982	7.7	1.3
TCB	(13,039,768)	14.8%	3,829	8.4	1.3
ACB	(7,595,275)	16.3%	2,701	7.8	1.2

LỊCH SỰ KIỆN TUẦN TỚI

Mã CK	Ngày thực hiện với Niêm yết Ngày GDKHQ với Cổ tức, thưởng, phát hành thêm & ĐHCĐ	Loại Sự Kiện
NAC	5/10/2026	Đưa cổ phiếu vào diện cảnh báo
SHS	5/10/2026	Giao dịch bổ sung - 5.000.000 CP
PNJ	5/10/2026	Giao dịch bổ sung - 17.524 CP
BID	5/10/2026	Giao dịch bổ sung - 498.164.263 CP
NET	5/10/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền. 6.500 đồng/CP
DHT	5/10/2026	Thưởng cổ phiếu. tỷ lệ 10:1
DHC	5/10/2026	Trả cổ tức đợt 2/2026 bằng tiền. 1.000 đồng/CP
SD5	5/10/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền. 700 đồng/CP
PSE	5/10/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền. 1.000 đồng/CP
DGW	5/10/2026	Trả cổ tức đợt 1/2026 bằng tiền. 1.000 đồng/CP
SNZ	5/10/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền. 1.440 đồng/CP
VGW	5/10/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền. 900 đồng/CP
LMC	5/10/2026	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2026
TBD	5/10/2026	Họp ĐHCĐ bất thường năm 2026
DHC	5/10/2026	Họp ĐHCĐ bất thường năm 2026
MBB	6/10/2026	Giao dịch bổ sung - 1.208.249.986 CP
HHP	6/10/2026	Giao dịch bổ sung - 5.625.342 CP
INC	6/10/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền. 625 đồng/CP
PGB	6/10/2026	Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm. tỷ lệ 100000:20472. giá 10.000 đồng/CP
PIA	7/10/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền. 1.500 đồng/CP
PPS	7/10/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền. 790 đồng/CP
MWG	7/10/2026	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền. 1.000 đồng/CP
TV1	7/10/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền. 1.500 đồng/CP
WTC	7/10/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền. 600 đồng/CP
KDH	7/10/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu. tỷ lệ 100:10
BIC	7/10/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền. 1.200 đồng/CP
SHN	7/10/2026	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần 2 năm 2026
MST	7/10/2026	Họp ĐHCĐ bất thường năm 2026 lần 2
CLM	7/10/2026	Họp ĐHCĐ bất thường năm 2026
TVS	8/10/2026	Giao dịch bổ sung - 15.697.115 CP
VAB	8/10/2026	Giao dịch bổ sung - 85.714.369 CP
CCS	8/10/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền. 700 đồng/CP
GDA	8/10/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền. 1.000 đồng/CP
USC	8/10/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền. 205 đồng/CP
DNN	8/10/2026	Họp ĐHCĐ bất thường năm 2026 lần 2
VTG	8/10/2026	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2026
MDG	8/10/2026	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2026
TCH	8/10/2026	Giao dịch bổ sung - 91.203.584 CP
BTP	9/10/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền. 500 đồng/CP
DPR	9/10/2026	Họp ĐHCĐ bất thường năm 2026

TIN NỔI BẬT

Giải ngân vốn đầu tư công đạt 55,5% kế hoạch, 25 bộ ngành và 14 địa phương giải ngân thấp

Theo báo cáo của Bộ Tài chính, tổng kế hoạch đầu tư công giao năm 2026 tính đến ngày 24/09 là 1.037.622 tỷ đồng. Tính đến ngày 24/09/2026, số giải ngân vốn đầu tư công đạt gần 568 ngàn tỷ đồng, tương đương 55,5% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Nhiều địa phương đạt giá trị giải ngân hàng chục ngàn tỷ đồng, trong khi 25 bộ, cơ quan trung ương và 14 địa phương vẫn nằm dưới mức bình quân chung

Ngân hàng Nhà nước nới trần LDR lên 95% và chốt lộ trình chuẩn Basel III

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) vừa chính thức ban hành Thông tư số 50/2026/TT-NHNN vào 30/09, quy định về các giới hạn và tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng thương mại cùng chi nhánh ngân hàng nước ngoài và có hiệu lực thi hành kể từ 01/12/2026. Theo nội dung Thông tư, tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi tối đa (LDR) được điều chỉnh nâng lên mức 95%. Điều này được kỳ vọng giảm bớt áp lực huy động vốn cho hệ thống các tổ chức tín dụng, mở thêm dư địa để mở rộng hoạt động cấp tín dụng. Một trong những điểm cốt lõi của Thông tư mới là chính thức tích hợp chuẩn mực quản lý thanh khoản Basel III thông qua việc áp dụng bắt buộc 2 chỉ tiêu lớn gồm tỷ lệ khả năng chi trả (LCR) và tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng (NSFR).

Chứng khoán Mỹ khởi đầu tháng 10 trong sắc xanh. Lợi suất trái phiếu Mỹ hạ nhiệt

Kết phiên ngày 01/10, S&P 500 tăng 0,19%, lên 7.666,45 điểm, Nasdaq Composite nhích 0,04%, lên 26.871,60 điểm, Dow Jones Industrial Average tăng 20,51 điểm, tương đương 0,04%, lên 50.926,56 điểm, Lợi suất trái phiếu Kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm có lúc tăng lên 5,344%, mức cao nhất kể từ năm 2002, Lợi suất trái phiếu kỳ hạn 30 năm cũng lên mức chưa từng thấy trong 24 năm, Sau đó lợi suất bắt đầu đảo chiều, Lợi suất kỳ hạn 10 năm và 30 năm lần lượt giảm 5 điểm cơ bản và 3 điểm cơ bản. Trong khi đó, giá dầu Brent tăng tăng 4,4% lên 102,31 USD/thùng trong phiên ngày 01/10 sau khi xuất hiện thông tin Mỹ đang điều thêm một nhóm tác chiến tàu sân bay thứ ba tới Trung Đông.

GRDP của Hà Nội tăng trưởng hai con số trong quý 3/2026

Theo Thống kê TP. Hà Nội, GRDP quý 3/2026 của thành phố ước tăng 10,02% so với cùng kỳ năm trước. Đây là lần đầu tiên trong năm kinh tế Hà Nội đạt mức tăng trưởng hai con số và cao hơn các quý trước. Đà tăng tốc trong quý 3 đưa GRDP 9 tháng năm 2026 của Hà Nội tăng 8,85% so với cùng kỳ năm 2025, cao hơn mức tăng 7,92% của 9 tháng năm trước. Dịch vụ tiếp tục là động lực chính, trong khi đầu tư công, sản xuất công nghiệp, du lịch và thu hút vốn đầu tư nước ngoài tạo thêm lực đẩy cho kinh tế Thủ đô.

MSR chính thức đón đối tác chiến lược Elmet, công bố chi trả thêm cổ tức 5.000 đồng/cp

Ngày 01/10/2026, CTCP Masan High-Tech Materials (UPCoM: MSR) - một trong số rất ít công ty sở hữu nền tảng khai thác và chế biến vonfram tích hợp toàn diện trên thế giới, hôm nay công bố hoàn tất giao dịch Elmet Group Co. (Elmet, NASDAQ: ELMT) mua 4,99% cổ phần MSR. Masan Group tiếp tục là cổ đông kiểm soát MSR với tỷ lệ sở hữu khoảng 87,46%. Đồng thời, HĐQT Công ty đã phê duyệt việc tạm ứng bổ sung cổ tức năm 2026 bằng tiền mặt, tương đương 50% mệnh giá.

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó Giám Đốc Trung tâm Phân Tích

Ngô Thế Hiến

Hien.nth@shs.com.vn

Trưởng BP Chiến lược Thị trường

Phan Tấn Nhật

Nhat.pt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo. SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ: Trung Tâm Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Số 43 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888. Fax: (84-24)-3818 1688.

Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 2, Tòa nhà SHB Đà Nẵng, số 06 Nguyễn Văn Linh, P.

Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Tel: (84-511)-352 5777. Fax: (84-511)-352 5779.

Email: contact-dn@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTC, số 36 Bùi Thị Xuân, P. Bến Thành, Tp.HCM

Tel: (84-8)-3915 1368. Fax: (84-8)-3915 1369

Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, P. Cửa Nam, Tp. Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888. Fax: (84-24)-3818 1688.

Email: contact-hcm@shs.com.vn